

Số: 18 /NQ-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**VÀ NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Chứng khoán 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và những văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên;

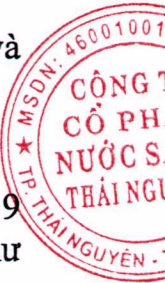
Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 - 2025 ngày 16/6/2020,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty với các chỉ tiêu chính như sau:

*1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019:*

Nội dung	ĐVT	KH năm 2019	TH năm 2019	TH/KH 2019	So với cùng kỳ 2018
1. Sản lượng nước thương phẩm	m3	15.280.000	15.064.842	98,6%	102,5%
2. Tỷ lệ thất thoát	%	18,61	18,37	-0,24%	-0,64%
3. Mở mạng khách hàng	Hộ	2.830	2.764	97,7%	101,4%
4. Tổng giá trị sản lượng	1.000đ	196.438.240	188.919.068	96,2%	109,1%
5. Tổng doanh thu	1.000đ	192.070.651	191.418.000	99,7%	107,5%
6. Tổng nộp ngân sách	1.000đ	14.168.210	14.956.420	105,6%	97,3%
7. Lợi nhuận (sau thuế)	1.000đ	3.854.730	4.836.000	125,5%	139,0%
- KV CPH	1.000đ	15.103.700	16.091.000	106,5%	108,3%
- KV chưa CPH	1.000đ	(11.248.970)	(11.255.000)	100,1%	99,0%
8. Cổ tức	%	6,5	7,0	107,7%	107,7%
9. Tổng số lao động	Người	457	465	101,8%	97,5%
10. Thu nhập bình quân	1.000đ	7.300	7.600	104,1%	104,1%
11. Giải ngân dự án, công trình	1.000đ	423.383.430	9.792.000	2,3%	135,2%



*Chữ ký*



2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	KH năm 2020 so với TH năm 2019
1. Sản lượng nước thương phẩm	m <sup>3</sup>	15.064.842	15.483.100	102,8%
2. Tỷ lệ thất thoát	%	18,37	18,00	-0,37%
3. Mở mạng khách hàng	Hộ	2.764	2.959	107,1%
3. Tổng giá trị sản lượng	1.000đ	188.919.068	200.098.221	105,9%
4. Tổng doanh thu	1.000đ	191.418.000	213.236.000	111,4%
5. Tổng nộp ngân sách	1.000đ	14.956.420	16.200.000	108,3%
6. Lợi nhuận (sau thuế)	1.000đ	4.836.000	8.673.000	179,3%
- KV CPH	1.000đ	16.091.000	18.273.000	113,6%
- KV chưa CPH	1.000đ	(11.255.000)	(9.600.000)	85,3%
7. Cổ tức	%	7,00	6,40	91,4%
8. Tổng số lao động	Người	465	470	101,1%
9. Thu nhập bình quân	1.000đ	7.600	7.800	102,6%
10. Giải ngân dự án, công trình	1.000đ	9.792.000	540.064.000	5515,4%

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty – kết quả sản xuất kinh doanh 5 năm, giai đoạn 2015 – 2020 và phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh 5 năm, giai đoạn 2020 - 2025.

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019, nhiệm kỳ 2015 – 2020, tóm tắt Báo cáo tài chính 2019 đã được kiểm toán.

**Điều 4.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Khu vực cổ phần	Đồng	20.931.021.535
2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Đồng	4.848.179.661
3	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Đồng	(8.129.962)
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN Khu vực cổ phần	Đồng	16.090.971.836
5	Phân phối lợi nhuận:	Đồng	16.090.971.836
a	Trích Quỹ khen thưởng (3%)	Đồng	482.729.155
b	Trích Quỹ phúc lợi (3%)	Đồng	482.729.155
c	Trích Quỹ đầu tư phát triển (24,4%)	Đồng	3.925.513.526
d	Chia cổ tức (700 đồng/cổ phần)	Đồng	11.200.000.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	07



**Điều 5.** Thông qua Tờ trình về chi trả thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2020:

1. Thù lao của thành viên HĐQT, BKS chi trả năm 2019:
  - Thù lao của các thành viên HĐQT: 969.600.000 đồng
  - Thù lao của các thành viên BKS: 599.280.000 đồng
  - Tổng cộng:* 1.568.880.000 đồng

*(Bảng chữ: Một tỷ, năm trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).*

2. Phương án trả thù lao của các thành viên HĐQT, BKS năm 2020:
  - Thù lao của các thành viên HĐQT: 988.800.000 đồng
  - Thù lao của các thành viên BKS: 599.280.000 đồng
  - Tổng cộng:* 1.588.080.000 đồng

*(Bảng chữ: Một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).*

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2020, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 03 đơn vị sau để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2020:

1. Công ty TNHH Kiểm toán định giá Việt Nam.
2. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
3. Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**Điều 7.** Thông qua phương án về tái cơ cấu doanh nghiệp là: Tiếp nhận toàn bộ tài sản theo giá trị sổ sách kế toán phần vốn nhà nước đã đầu tư tại 08 dự án (gồm 04 dự án tại 05 xí nghiệp nước sạch cấp huyện và 04 dự án thuộc khu vực cổ phần hóa), giá trị sổ sách được xác định tại thời điểm tiếp nhận. Công ty có trách nhiệm hoàn trả phần vốn nhà nước đầu tư và hoàn trả vốn vay ODA của các dự án theo đúng cam kết.

**Điều 8.** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện hồ sơ, thủ tục để triển khai thực hiện phương án về tái cơ cấu doanh nghiệp được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đồng ý thông qua.

**Điều 9.** Thông qua kết quả bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm:

1. Ông: Nguyễn Quang Mãi
2. Ông: Nguyễn Bá Quyết
3. Ông: Nguyễn Xuân Học
4. Ông: Nguyễn Văn Tiến
5. Ông: Nông Quốc Bình

**Điều 10.** Thông qua kết quả bầu cử BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm:

1. Ông: Vũ Khánh Lâm
2. Bà: Thân Hương Lan
3. Bà: Hoàng Thị Huệ



**Điều 11.** Hiệu lực: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 16/6/2020. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty và các cổ đông có trách nhiệm chấp hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 11;
- UB chứng khoán NN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Nguyễn Quang Mãi**